

Số: 101 /CB-BV

Thái Bình, ngày 21 tháng 02 năm 2020

BẢN CÔNG BỐ

**Cơ sở khám bệnh, chữa bệnh đáp ứng yêu cầu là cơ sở thực hành
trong đào tạo khối ngành sức khỏe**

Kính gửi: Sở Y tế Thái Bình

Tên cơ sở công bố: Bệnh viện Phụ Sản Thái Bình

Số Giấy phép hoạt động khám bệnh, chữa bệnh 000147, do Sở Y tế Thái Bình cấp, cấp ngày 31/12/2013.

Địa chỉ: Số 530A, Đường Lý Bôn, Phường Quang Trung, Thành Phố Thái Bình, Tỉnh Thái Bình.

Người chịu trách nhiệm chuyên môn: BSCKII. Đỗ Xuân Hạnh

Điện thoại liên hệ: 0913344313. Email: hanhpstb@gmail.com.

Căn cứ Nghị định số 111/2017/NĐ-CP ngày 05 tháng 10 năm 2017 của Chính phủ quy định về tổ chức đào tạo thực hành trong đào tạo khối ngành sức khỏe, Bệnh viện Phụ Sản Thái Bình công bố đã đáp ứng yêu cầu để tổ chức thực hành theo quy định với các nội dung sau đây:

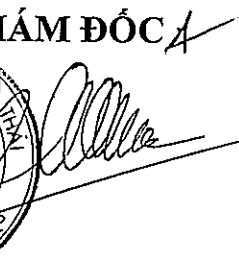
1. Các ngành/chuyên ngành đào tạo thực hành: Y Đa khoa/Y khoa; Sản phụ Khoa; (Phụ lục 1)
2. Trình độ đào tạo thực hành: Đại học, Bác sĩ CKI, Bác sĩ CKII, Bác sĩ nội trú sản phụ khoa; (Phụ lục 1)
3. Số lượng người đào tạo thực hành tối đa (Phụ lục 1)
4. Danh sách người giảng dạy thực hành đáp ứng yêu cầu: (Phụ lục 2).
5. Danh sách các khoa phòng tổ chức thực hành và số giường bệnh tại mỗi khoa phòng, cụ thể như sau:


STT	Tên Khoa tổ chức thực hành	Số giường bệnh	Ghi chú
1	Khoa Đẻ - Cấp cứu	23	
2	Khoa GMHS	22	
4	Khoa Sơ sinh	0	
5	Khoa Phụ	105	

6	Khoa Sản	105	
7	Khoa Khám	0	
8	Khoa Khám yêu cầu	0	
9	Khoa Điều trị tự nguyện	145	
10	Khoa Xét nghiệm	0	
11	Khoa CĐHA	0	
Tổng		400	

6. Danh mục cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ đào tạo thực hành: (Phụ lục 3).

Bệnh viện cam kết và chịu trách nhiệm trước pháp luật về các nội dung đã công bố. Kính đề nghị Sở Y tế Thái Bình xem xét, đăng tải thông tin theo quy định./.

GIÁM ĐỐC 

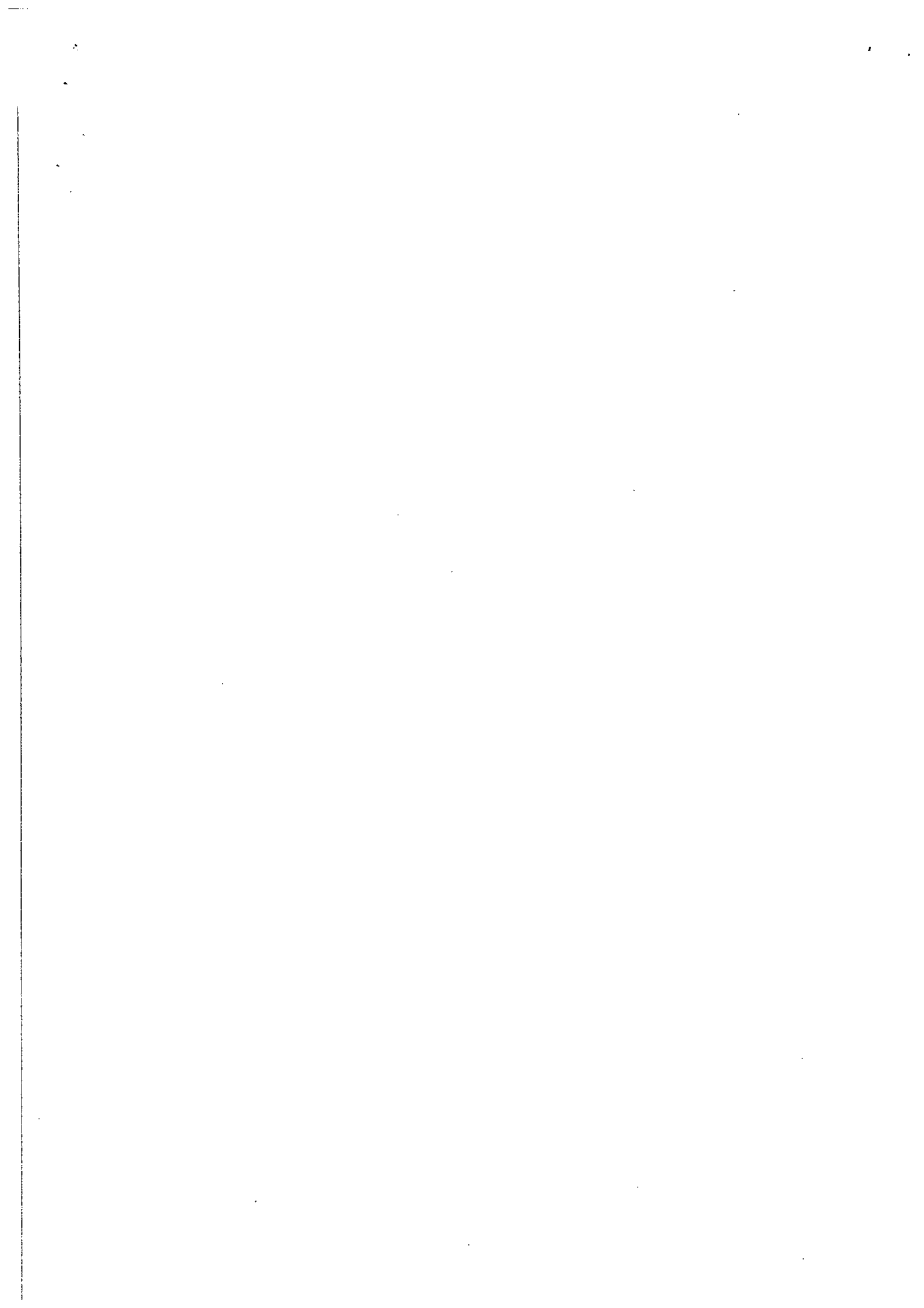


ĐOÀN DUY MẠNH

PHỤ LỤC 2

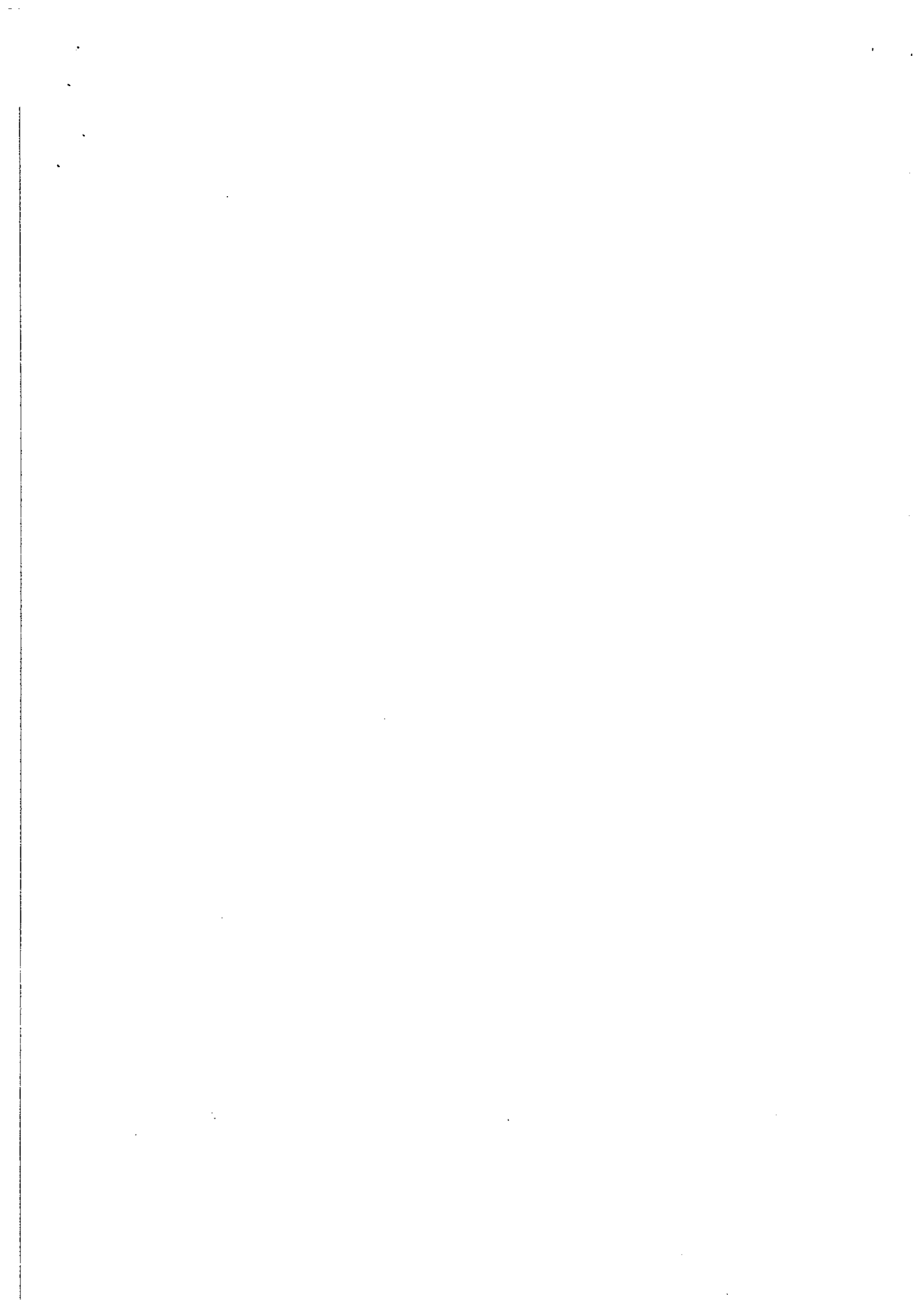
**DANH SÁCH NGƯỜI GIẢNG DẠY THỰC HÀNH
TẠI BỆNH VIỆN PHỤ SẢN, SỐ LƯỢNG GIƯỜNG ĐÁP ỨNG YÊU CẦU GIẢNG DẠY THỰC HÀNH**
(Chi tiết theo danh sách tăng người giảng dạy để minh chứng cho số lượng tại cột số 8 ở Phụ lục 1)

STT	Họ và tên	Học hàm, học vị, chuyên ngành khoa, nội trú...	Ngành, chuyên ngành đã được đào tạo	Chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hành nghề	Số năm kinh nghiệm m	KCB	Môn học/học phần/ì n chỉ	Nội dung môn học	Tên khoa/đơn vị đặt yêu cầu thực hành	Số giường đạt yêu cầu thực hành
I. ĐÀO TẠO SAU ĐẠI HỌC											
1	Phí Ngọc Chung	BSCCKII	Sản phụ khoa	000021/TB-CCHN	Sản phụ khoa				<p>Các yếu tố tiên lượng cuộc đẻ. Sinh lý chuyển dạ. Các phương pháp gây chuyển dạ, theo dõi chuyển dạ. Thuốc điều chỉnh cơn co tử cung. Theo dõi thai bằng monitoring. Đặc điểm sơ sinh đủ tháng</p>	Khoa đẻ cấp cứu Khoa sơ sinh	23
2	Đỗ Văn Căn	Thạc sỹ	Sản phụ khoa	002289/TB-CCHN	Sản phụ khoa						
3	Vũ Mạnh Cường	Thạc sỹ	Sản phụ khoa	002280/TB-CCHN	Sản phụ khoa						
4	Trần Hải Bình	BSCCKI	Sản phụ khoa	005240/TB-CCHN	Sản phụ khoa						
5	Nguyễn Văn Hiền	Thạc sỹ	Sản phụ khoa	/TB-CCHN	Sản phụ khoa						
6	Phạm Thị Quỳnh Như	Thạc sỹ	Sản phụ khoa	/TB-CCHN	Sản phụ khoa			Sản thường			
7	Trần Thị Len	Thạc sỹ	Sản phụ khoa	/TB-CCHN	Sản phụ khoa						



STT	Họ và tên	Học hàm, học vị, chuyên ngành khoa, nội trú...	Ngành, chuyên ngành đã được đào tạo	Chương chỉ hành nghề	Phạm vi hành nghề	Số năm kinh nghiệm m KCB	Môn học/học phần/ti n chỉ	Nội dung môn học	Tên khoa/đơn vị đặt yêu cầu thực hành	Số giường đạt yêu cầu thực hành
8	Bùi Thị Thanh Tuyền	Thạc sỹ	Sản phụ khoa	/TB-CCHN	Sản phụ khoa					
9	Đặng Thị Thu Hằng	Thạc sỹ	Sản phụ khoa	/TB-CCHN	Sản phụ khoa					
10	Trần Thị Thu Hà	BSCCKII	Sản phụ khoa	002267/TB-CCHN	Sản phụ khoa			Các chỉ định, định lượng nội tiết tố. Gây kinh nhân tạo và lập vòng kinh nhân tạo. Chỉ định và kỹ thuật laser, điện cô tử cung	Khoa phụ	105
11	Đinh Thị Oanh	Thạc sỹ	Sản phụ khoa	002273/TB-CCHN	Sản phụ khoa					
12	Đoàn Duy Mạnh	BSCCKII	Sản phụ khoa	002258/TB-CCHN	Sản phụ khoa			Các ngôi bất thường. Ngôi ngược. Các yếu tố tiên lượng trong ngôi ngược. Những thai nghén có nguy cơ cao. Đẻ khó. Các chỉ định mổ lấy thai. Forceps + Ventouse. Chỉ định và kỹ thuật khâu vòng cổ tử cung. Chỉ định, kỹ thuật và tai biến định chỉ thai nghén	Khoa đẻ cấp cứu	23
13	Đỗ Xuân Hạnh	BSCCKII	Sản phụ khoa	002259/TB-CCHN	Sản phụ khoa		Sản khó			
14	Trần Hữu Liêm	BSCCKI	Sản phụ khoa	000127/TB-CCHN	Sản phụ khoa					
15	Phạm Quang Huy	BSCCKI	Sản phụ khoa	002261/TB-CCHN	Sản phụ khoa			Băng huyết sau đẻ. Vỡ tử cung. Sử dụng thuốc điều chỉnh cơn co tử cung. Rối	Khoa đẻ	

STT	Họ và tên	Học hàm, học vị, chuyên ngành khoa, nội trú...	Ngành, chuyên ngành đã được đào tạo	Chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hành nghề	Số năm kinh nghiệm m KCB	Môn học/học phần/í n chi	Tên nội dung môn học	Tên khoa/đơn vị đặt yêu cầu thực hành	Số giường đạt yêu cầu thực hành
16	Đình Văn Nghi	BSCCKI	Sản phụ khoa	002277/TB-CCHN	Sản phụ khoa			loạn đông máu trong sản phụ khoa. Nhiệm vụ nhân hậu sản. Kỹ thuật mổ lấy thai. Kỹ thuật cắt tử cung bán phần.	cấp cứu Khoa GMHS	45
17	Phan Thị Ngọc Bích	BSCCKII	Sản phụ khoa	000069/TB-CCHN	Sản phụ khoa					
18	Hoàng Tiến Nam	BSCCKII	Sản phụ khoa	/TB-CCHN	Sản phụ khoa					
19	Lê Hải Dương	BSCCKII	Sản phụ khoa	/TB-CCHN	Sản phụ khoa					
20	Đình Văn Hoàn	Thạc sỹ	Sản phụ khoa	/TB-CCHN	Sản phụ khoa			Rau tiền đạo. Rau bong non. Các phương pháp thăm dò trong sản khoa. Bệnh tăng huyết áp và thai nghén, sản giật, tiền sản giật. Bệnh tim và thai nghén.	Khoa sản	105
21	Nguyễn Trung Kiên	Thạc sỹ	Sản phụ khoa	/TB-CCHN	Sản phụ khoa					
22	Trần Văn Giới	BSCCKII	Sản phụ khoa	002260/TB-CCHN	Sản phụ khoa					
23	Trần Xuân Hiệp	BSCCKII	Sản phụ khoa	002266/TB-CCHN	Sản phụ khoa					
24	Vũ Thị Lan	BSCCKI	Sản phụ khoa	002287/TB-CCHN	Sản phụ khoa			Đa ối, thiếu ối, đa thai. Thai chết lưu trong tử cung, sảy thai, đẻ non.	Khoa sản	105

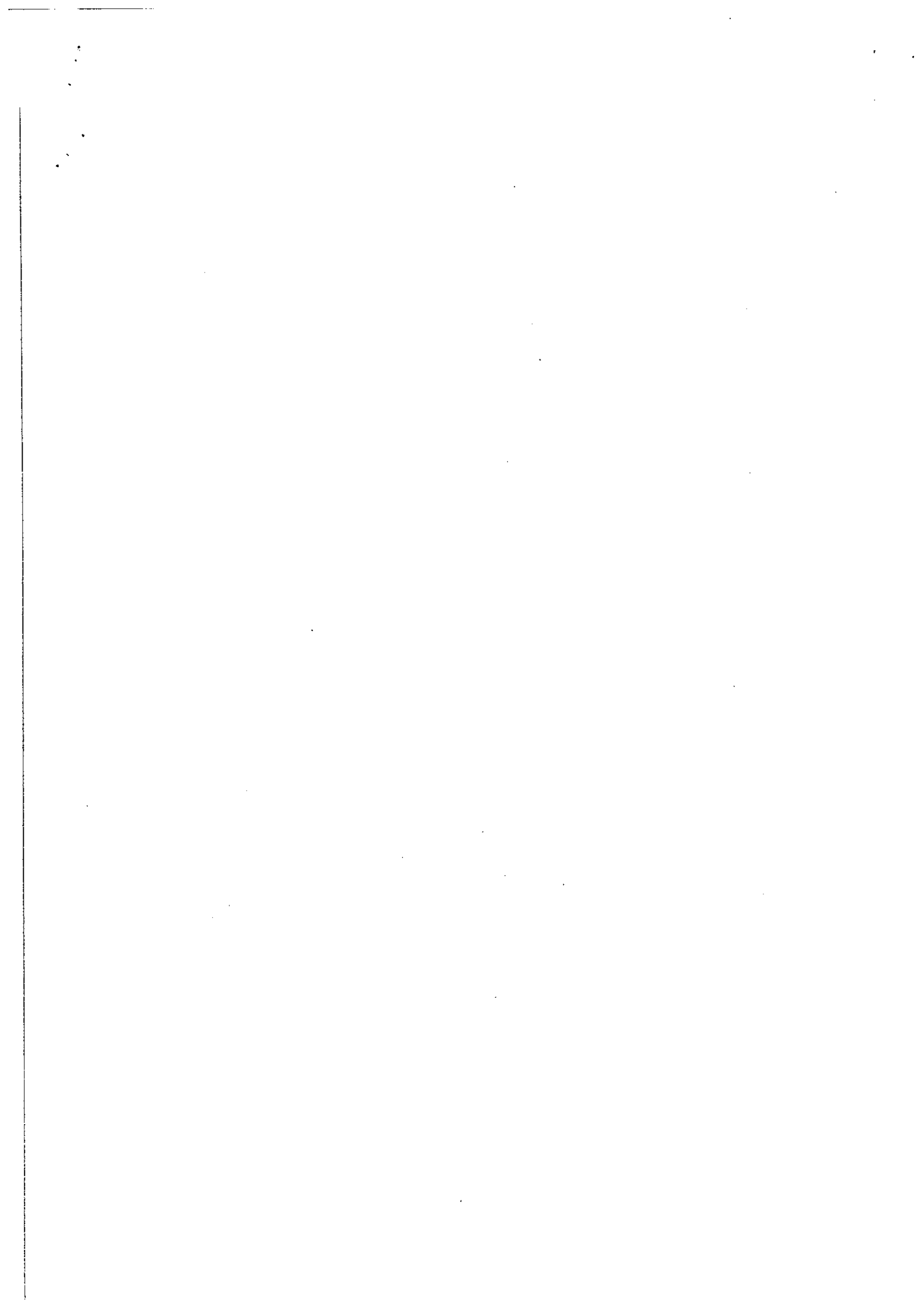


STT	Họ và tên	Học hàm, học vị, chuyên ngành khoa, nội trú...	Ngành, chuyên ngành đã được đào tạo	Chương chỉ hành nghề	Phạm vi hành nghề	Số năm kinh nghiệm m	KCB	Môn học/học phần/ti n chỉ	Nội dung môn học	Tên khoa/đơn vị đặt yêu cầu thực hành	Số giờ/đạt yêu cầu thực hành
25	Nguyễn Thị Chung	BSCKI	Sản phụ khoa	000742/TB-CCHN	Sản phụ khoa				Sử dụng nội tiết trong phụ khoa. Tình dịch độ, các phương pháp chuẩn bị tinh trùng. Liệu pháp ánh sáng xanh chỉ định và tai biến. Thăm dò buồng trứng. Qúa kích buồng trứng.	Khoa khám yêu cầu	15
26	Bùi Minh Tiến	Tiến Sỹ	Sản phụ khoa	/TB-CCHN	Sản phụ khoa					Khoa khám yêu cầu	15
27	Ninh Văn Minh	PGS-Tiến sỹ	Sản phụ khoa	/TB-CCHN	Sản phụ khoa					Khoa khám	
28	Nguyễn Quang Tuyền	Thạc sỹ	Sản phụ khoa	002286/TB-CCHN	Sản phụ khoa						
29	Phan Thị Thu Huyền	Thạc sỹ	Sản phụ khoa	000757/TB-CCHN	Sản phụ khoa						
30	Mai Thị Anh	Thạc sỹ	Sản phụ khoa	002278/TB-CCHN	Sản phụ khoa						
31	Phạm Thị Xuân	BSCKI	Sản phụ khoa	002282/TB-CCHN	Sản phụ khoa						
32	Vũ Thị Ngân	Thạc sỹ	Xét nghiệm	002269/TB-CCHN	Xét nghiệm						

Phụ khoa

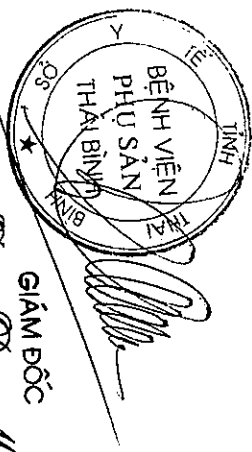
Kỹ thuật đặt tháo DCT.C. Kỹ thuật chụp buồng tử cung. Kỹ thuật nạo buồng tử cung bằng dụng cụ, bằng bơm Ipas

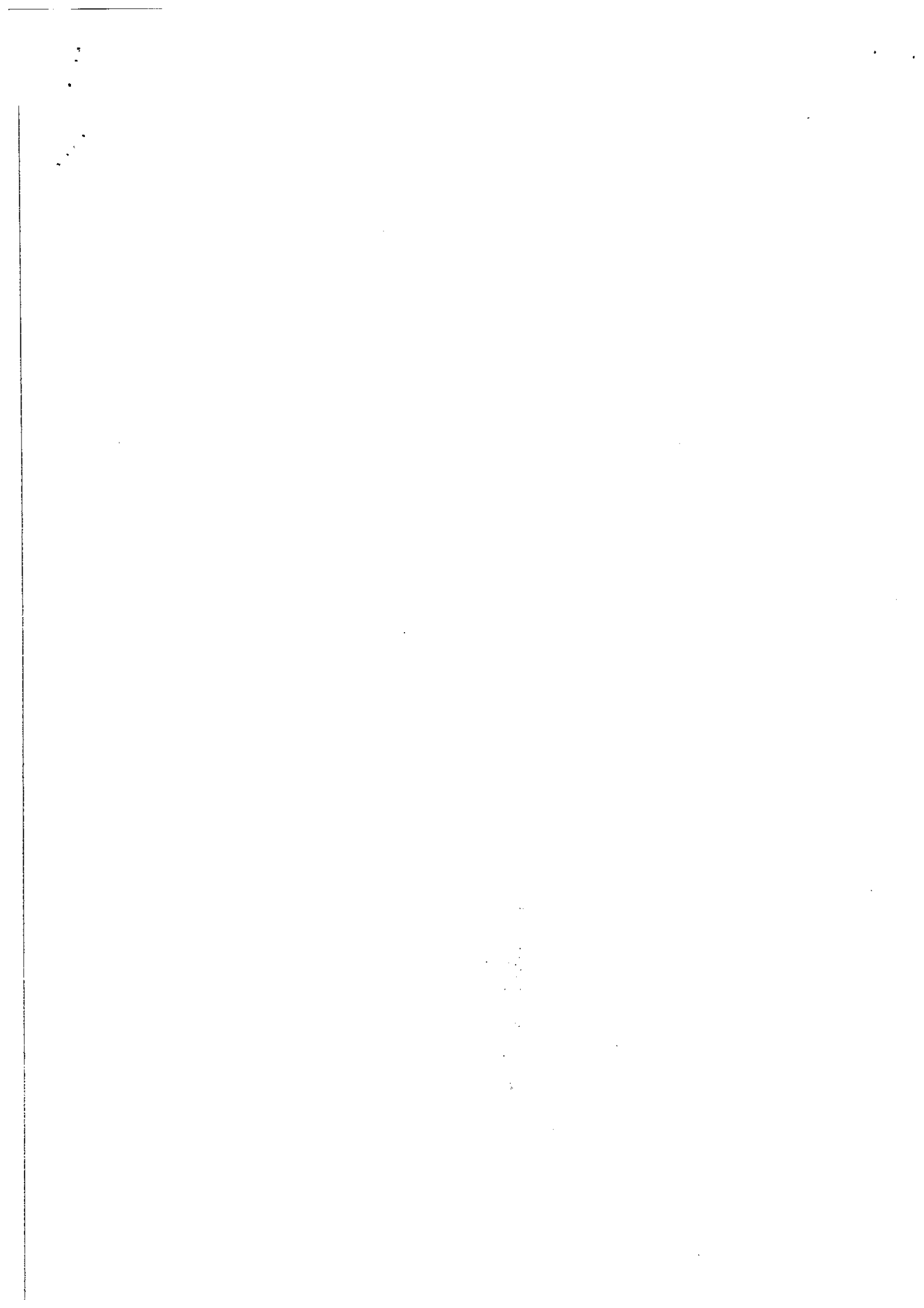
Kỹ thuật nạo Mole. Theo dõi sau mổ Mole. Kỹ thuật làm phiên đồ cổ tử cung. Kỹ thuật soi cổ tử cung. Kỹ Thuật mổ tách khối u tuyến vú.



STT	Họ và tên	Học hàm, học vị, chuyên khoa, nội trú...	Ngành, chuyên ngành đã được đào tạo	Chương chỉ hành nghề	Phạm vi hành nghề	Số năm kinh nghiệm KCB	Môn học/phần/ti n chỉ	Nội dung môn học	Tên khoa/đơn vị đặt yêu cầu thực hành	Số giường đặt yêu cầu thực hành
33	Đinh Thị én	BSCKI	Nhi Khoa	002749/TB-CCHN	Nhi Khoa			Kỹ thuật đặt Catheter tại rón	Khoa sơ sinh	30

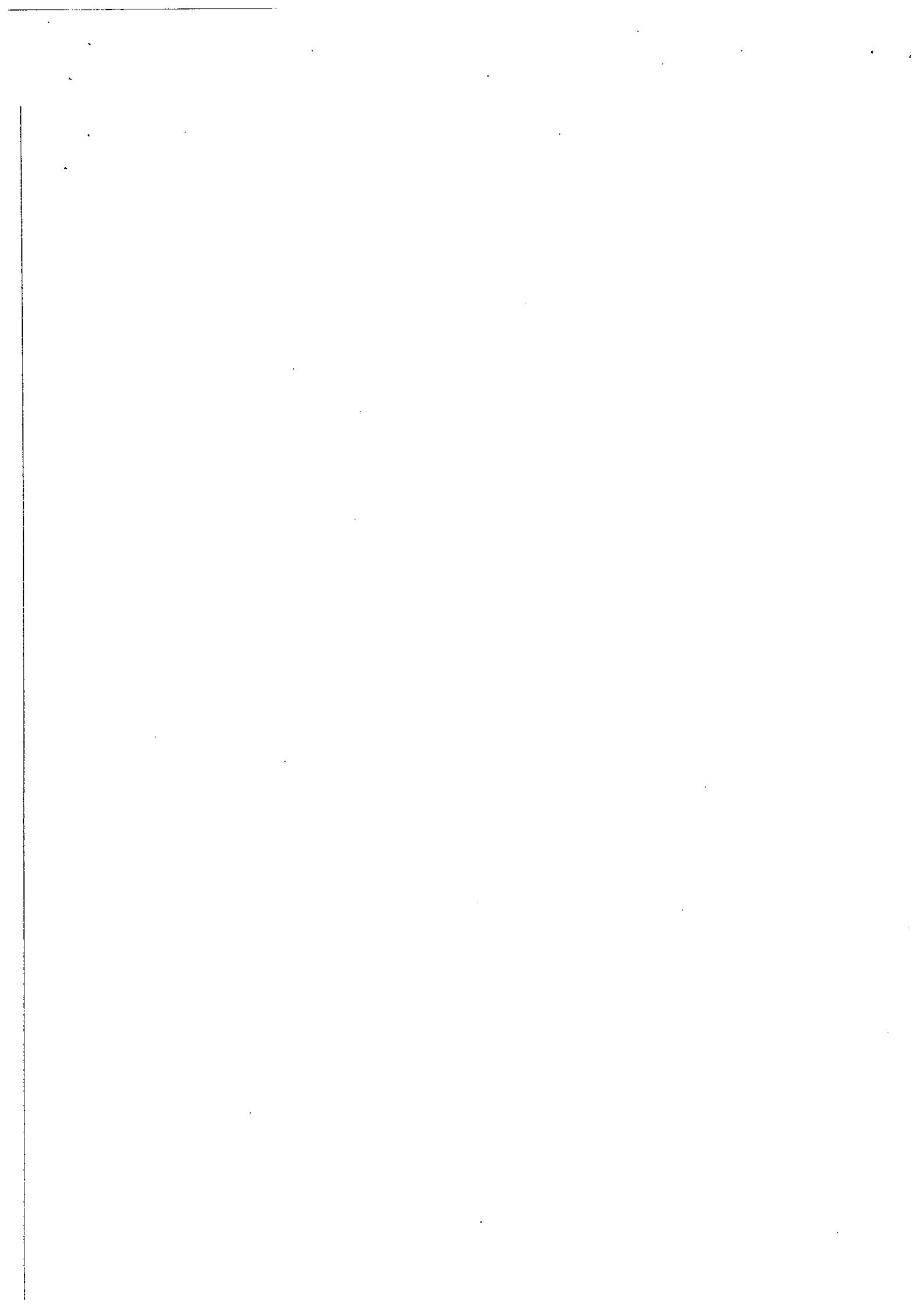
BỆNH VIỆN PHỤ SẢN THÁI BÌNH


 GIÁM ĐỐC
 BS. *Đinh Thị é*

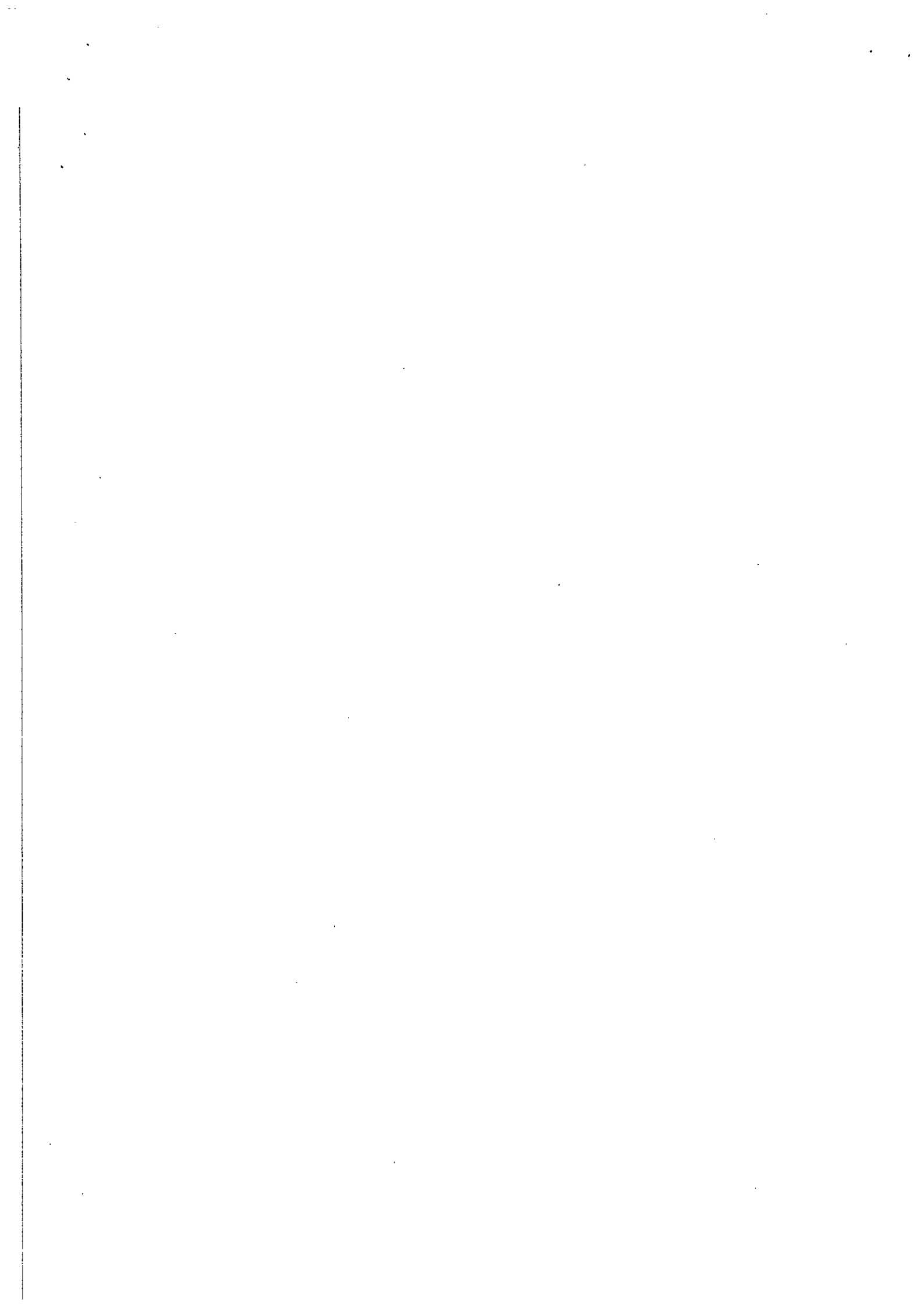


THÔNG TIN CHUNG VỀ ĐÀO TẠO THỰC HÀNH TẠI BỆNH VIỆN PHỤ SẢN THÁI BÌNH
(Tại 1 thời điểm)

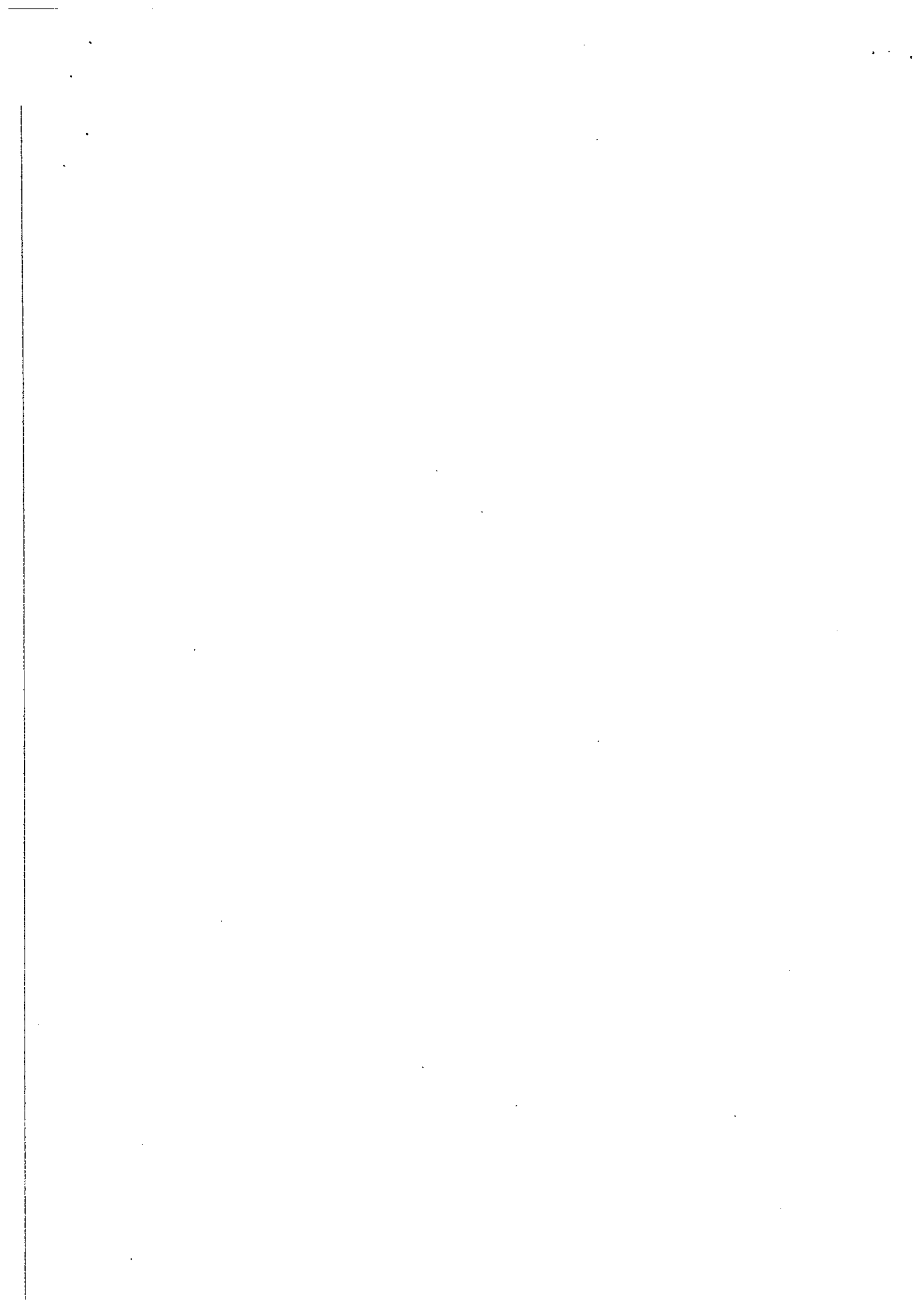
STT	Mã đào tạo	Trình độ	Ngành/ chuyên ngành	Môn học/học phần/Ti n chỉ	Nội dung	Tên khoa/đơn vị thực hành	Số lượng NGGD đặt yêu cầu ở khoa/ đơn vị	Số lượng người học TH tối đa theo NGGD	Số giường tại khoa đặt yêu cầu TH	Số lượng người học TH tối đa theo giường	Số lượng đang học	Số lượng có thể nhận thêm
I. ĐÀO TẠO SAU ĐẠI HỌC												
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13
1	607216	Bác sĩ CKI Bác sĩ CKII Bác sĩ Nội trú	Sản phụ khoa	Sản thường Sản khó	Theo dõi chuyển dạ. Monitor sản khoa. Kỹ thuật cắt khâu TSM, khâu TSM rạch phục tạp. Chỉ định thăm dò thê tích ối, bám ối. Chỉ định và kỹ thuật, theo dõi đẻ chi huy. Chẩn đoán ngôi, thê, kiểu thê, độ lọt.	Khoa đẻ	5	15	23	23	4	19
2					Cách đọc kết quả và đánh giá siêu âm sản khoa. Các chỉ định, định lượng nội tiết tố. Test oxytocin, Atropin	Khoa sản	6	15	105	105	21	84



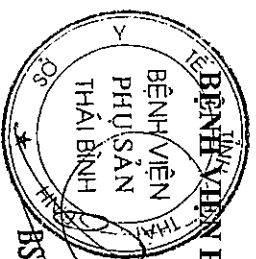
STT	Mã đào tạo	Trình độ	Ngành/ chuyên ngành	Môn học/học phần/Ti n chỉ	Nội dung	Tên khoa/đơn vị thực hành	Số lượng NGD đạt yêu cầu ở khoa/ đơn vị	Số lượng người học TH tối đa theo NGD	Số giờ học tại khoa đạt yêu cầu TH	Số lượng người học TH tối đa theo giờ học	Số lượng đang học	Số lượng có thể nhận thêm
3	607216	Bác sĩ CKII Bác sĩ Nội trú	Sản phụ khoa	Sản thường Sản khó	Cách đặt Forceps + Ventouse. Kỹ thuật đỡ đẻ ngôi ngược. Kỹ thuật đỡ đẻ song thai và đa thai. Chỉ định và kỹ thuật khâu vòng cổ tử cung. Chỉ định và kỹ thuật KSTC.	Khoa đẻ	5	20	23	23	4	19
4					Kỹ thuật mổ lấy thai trong ngôi ngược, trong rau tiền đạo, trong sẹo cũ và cắt tử cung. Kỹ thuật mổ lấy thai trong ngôi ngang, trong đa thai. Kỹ thuật mổ lấy thai bệnh lý. Kỹ thuật cắt tử cung bán phần.	Khoa đẻ Khoa GMHS Khoa sản	11	20	10	50	25	25



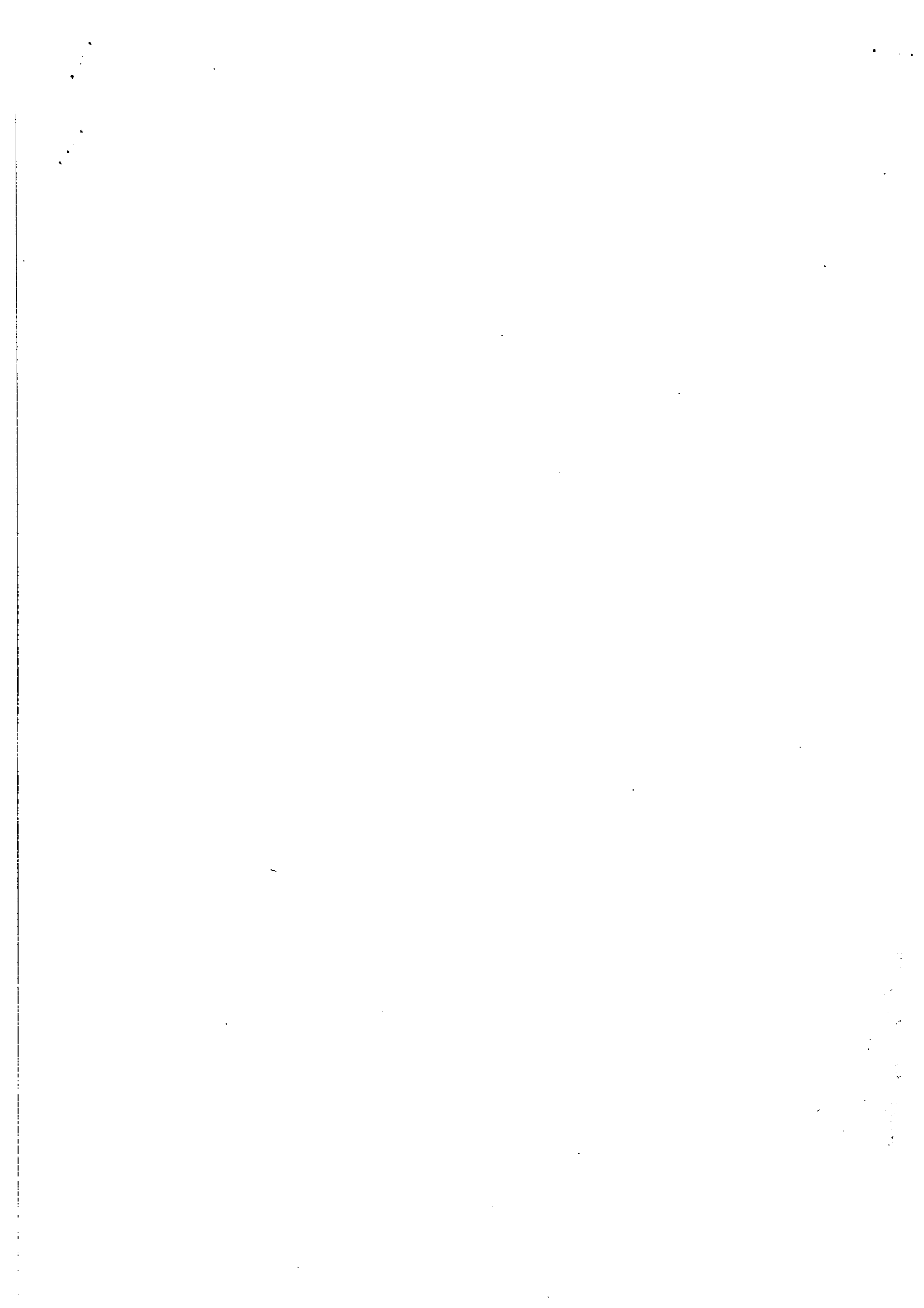
STT	Mã đào tạo	Trình độ	Ngành/ chuyên ngành	Môn học/học phần/Ti n chỉ	Nội dung	Tên khoa/đơn vị thực hành	Số lượng NGD đạt yêu cầu ở khoa/ đơn vị	Số lượng người học TH tối đa theo NGD	Số giờ học tại khoa đạt yêu cầu TH	Số lượng người học TH tối đa theo giờ học	Số lượng đang học	Số lượng có thể nhận thêm
5	607216	Bác sĩ Định Hướng Bác sĩ CKI Bác sĩ CKII Bác sĩ Nội trú	Sân phụ khoa	Hỗ trợ sinh sản, sơ sinh	Cách sử dụng thuốc điều chỉnh cơn co tử cung. Hội sức và chống Shock sản khoa. Kỹ thuật đẻ chỉ huy. Kỹ thuật làm nghiệm pháp lọt. Các kỹ thuật trong xử trí rau tiền đạo, rau bong non và sản giật, tiền sản giật. Kỹ thuật xử trí rối loạn đông máu, nhiễm khuẩn ở tử cung. Các kỹ thuật trong xử trí bệnh tim và thai nghén	Khoa đẻ	5	15	23	23	4	19
					Kỹ thuật nội soi buồng tử cung, Phẫu thuật nội soi thăm dò ở tiểu khung. Xử trí suy thai cấp	Khoa GMHS	2	10	10	30	1	9
7					KT chụp buồng tử cung	Khoa CDHA	2	10	10	2	0	10



STT	Mã đào tạo	Trình độ	Ngành/ chuyên ngành	Môn học/học phân/Ti n chỉ	Nội dung	Tên khoa/đơn vị thực hành	Số lượng NGD đạt yêu cầu ở khoa/ đơn vị	Số lượng người học TH tối đa theo NGD	Số giường tại khoa đạt yêu cầu TH	Số lượng người học TH tối đa theo giường	Số lượng đang học	Số lượng có thể nhận thêm	
8					KT Nạo buồng tử cung, IUI, Đọc kết quả tinh dịch đồ, đọc kết quả thăm dò nội tiết, sử dụng các phác đồ kích thích buồng trứng, xử trí quá kích buồng trứng	Khoa khám yêu cầu	3	15	10	50	4	46	
													Các thao tác hồi sức sơ sinh. Các phương pháp điều trị giảm bilirubin máu trẻ sơ sinh
9	607216	Bác sĩ CKI Bác sĩ CKII	Sản phụ khoa	Phụ khoa tổng quát	Kỹ thuật Mole, theo dõi sau nạo thai trứng, lâm phiên đồ CTC, Soi cổ tử cung, mổ bóc tách khối u tuyến vú, mổ bóc UXTC, UBT, GEU, điều trị lạc nội mạc tử cung, laser trong điều trị tổn thương CTC, điều trị các rối loạn kinh nguyệt	Khoa sơ sinh	2	10	30	30	4	26	
10						Khoa Khám	4	20	15	150	25	125	
Tổng cộng								45	150	194	486	92	382



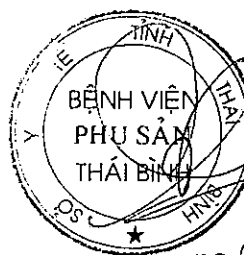
BỆNH VIỆN PHỤ SẢN THÁI BÌNH
 Giám Đốc
BS. Đoàn Duy Mạnh



**DANH MỤC TRANG THIẾT BỊ
TẠI BỆNH VIỆN PHỤ SẢN ĐÁP ỨNG YÊU CẦU GIẢNG DẠY THỰC HÀNH**

STT	Tên trang thiết bị	Số lượng	Ghi chú
1	Bàn Khám phụ khoa	30	
2	Bàn đẻ	12	
3	Bàn sưởi ấm sơ sinh	07	
4	Bàn tiêm chủng sơ sinh	02	
5	Bàn hội sức sơ sinh	07	
6	Giường chiếu đèn sưởi vàng da	10	
7	Lồng ấp sơ sinh	06	
8	Máy bơm tiêm tự động	30	
9	Máy soi cổ tử cung	02	
10	Máy đốt cổ tử cung	02	
11	Máy cắt đốt phụ khoa	10	
12	Máy soi ối	00	
13	Monitoring sản khoa	20	
14	Bộ tiêu phẫu	100	
15	Phòng học	10	
16	Bảng	04	
17	Đèn đọc phim	01	
18	Máy đo huyết áp	20	
19	ống nghe tim thai	20	
20	Giường	400	

BỆNH VIỆN PHỤ SẢN THÁI BÌNH



GIÁM ĐỐC
BS. Đoàn Duy Mạnh

2000